Phụ lục 1

KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRẺ 3-4 TUỔI - NĂM HỌC 2026- 2027

(Kèm theo kế hoạch giáo dục số 76/KH-MNDC2 ngày 30 tháng 9 năm 2026)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần thực hiện	Thời gian thực hiện
1	**Trường mầm non Diễn Châu 2- Bé vui đón Tết Trung thu (3 tuần)**	Trường Mầm non Diễn Châu 2	1 tuần	7/9 - 11/9/2026
		Bé và Các hoạt động trong trường mầm non	1 tuần	14/9 - 18/9/2026
		Bé vui đón Tết Trung Thu	1 tuần	21/9 - 25/9/2026
2	**Bản thân – Vui ngày hội 20/10 (4 tuần)**	Bé tự giới thiệu về mình	1 tuần	28/9 - 2/10/2026
		Cơ thể bé và bạn	1 tuần	5/10 - 9/10/2026
		Vui ngày hội 20/10	1 tuần	12/10 - 16/10/2026
		Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1 tuần	19/10- 23/10/2026
3	**Gia đình Của bé Ngày hội của cô giáo 20-11 (5 tuần)**	Ngôi nhà thân yêu của bé	1 tuần	26/10 - 30/10/2026
		Những người thân trong gia đình bé	1 tuần	02/11 - 06/11/2026
		Đồ dùng trong gia đình	1 tuần	09/11 - 13/11/2026
		Ngày hội của cô giáo 20/11	1 tuần	16/11 - 20/11/2026
		Ngày gia đình Việt Nam	1 tuần	23/11- 27/11/2026
4	**Những nghề bé thích - Vui ngày Tết chú bộ đội (4 tuần)**	Bé yêu bác nông dân	1 tuần	30/11- 04/12/2026
		Bé yêu cô chú công nhân	1 tuần	07/12 - 11/12/2026
		Vui ngày tết chú bộ đội 22/12	1 tuần	14/12 - 18/12/2026
		Bé tập làm bác sỹ	1 tuần	21/12 - 25/12/2026
5	**Thế giới động vật (4 tuần) -**	Một số động vật sống trong gia đình	1 tuần	28/12 - 01/01/2027
		Một số động vật sống dưới nước	1 tuần	04/1 – 08/01/2027
		Một số động vật sống trong rừng	1 tuần	11/01 – 15/01/2027

		Một số loại chim và côn trùng	1 tuần	18/01 - 22/01/2027
6	**Thế giới thực vật - Tết và 8/3 (5 tuần)**	Tết nguyên đán và Những bông hoa đẹp	1 tuần	25/01 - 29/01/2027
		Bé yêu cây xanh	1 tuần	15/2 – 19/02/2027
		Một số loại rau, củ	1 tuần	22/02- 26/02/2027
		Bé vui ngày hội 8/3	1 tuần	01/3- 05/03/2027
		Một số loại quả	1 tuần	08/03 - 12/03/2027
7	**Phương tiện và quy định giao thông (4 tuần)**	Phương tiện và quy định giao thông đường bộ	1 tuần	15/03 - 19/03/2027
		Thực hành phương tiện và quy định giao thông đường bộ	1 tuần	22/03 - 26/03/2027
		Phương tiện và quy định giao thông đường thủy	1 tuần	29/03 - 02/04/2027
		Phương tiện và quy định giao thông đường hàng không	1 tuần	05/04- 09/04/2027
8	**Nước và một số hiện tượng tự nhiên (3 tuần)**	Bé biết gì về nước	1 tuần	12/4 - 16/4/2027
		Một số hiện tượng tự nhiên	1 tuần	19/4 - 23/4/2027
		Mùa hè tuyệt vời	1 tuần	26/4 – 30/04/2027
9	**Quê hương – Đất nước - Bác Hồ kính yêu (3 tuần)**	Quê hương Diễn châu thân yêu	1 tuần	03/05 - 08/05/2027
		Bác Hồ kính yêu	1 tuần	10/05 - 14/05/2027
		Thủ đô Hà Nội yêu dấu	1 tuần	17/05 - 21/5/2027
	Tổng		**35 tuần**	

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ
ĐỘ TUỔI: 3 - 4 TUỔI
NĂM HỌC 2026-2027

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	***a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:*** - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%- 20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kĩ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay… nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm	CBQL, Giáo viên, , nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. ***b. Chăm sóc bữa ăn*** ** Trước khi ăn:* - Tổ chức cho trẻ vệ sinh rửa tay lau mặt sạch sẽ. - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,...Cô khuyến khích động viên trẻ cùng kê bàn, trang trí bàn ăn cùng với cô. - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; ** Trong khi ăn:* - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kĩ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ ** Sau khi ăn:* - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Súc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp		

	thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
2. Tổ chức giấc ngủ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). **** Trước lúc cho trẻ ngủ:*** - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối (phù hợp với tầng độ tuổi); - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). **** Trong khi ngủ*** - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác **** Sau khi thức dậy*** - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngái ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngọt làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.	- Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên nấu ăn	
3. Tổ chức vệ sinh	***a.Vệ sinh cô:*** - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm ***b. Vệ sinh cá nhân trẻ*** - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi	Giáo viên và bảo vệ	

	tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; hướng dẫn trẻ súc miệng, Giáo viên có thể pha nước muối thoảng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyền truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. ***c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp*** ** Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:* - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo.		

	+ Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kĩ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kĩ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ (trẻ mẫu giáo). ** Xử lý rác và nước thải trong nhà trường* - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ố màu phải kiểm tra và xử lý ngồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	***a. Chăm sóc sức khỏe*** ** Khám sức khỏe* - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trưởng tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Phụ huynh	

	** Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.* - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng, chiều cao 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2026 và tháng 3/2027); - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ. ***b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:*** - Phối hợp với trung tâm y tế tuyền truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xẩy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sở, thủy đậu…) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. ***c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm*** - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viên đg hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%). + Thuốc hạ sốt. + OERSOL. + Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị mệt phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ		

	huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. ***d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp*** - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ. - Tạo môi trường an toàn cho trẻ khi đến trường, ,vệ sinh đồ dùng đồ chơi sạch sẽ, sắp xếp giá tủ gọn gàng, ngăn nắp. -Thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất để kịp thời thanh lí, tu sửa, không để trẻ bị xây xước, ngã, trơn trượt, đảm bảo an toàn cho trẻ mọi lúc mọi nơi, không để trẻ bị thương tích. - Quản lí trẻ cẩn thận mọi lúc mọi nơi. - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nước uống và nước sinh hoạt dùng cho trẻ đảm bảo vệ sinh, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm ảnh hưởng đến tính mạng của trẻ. Không để xảy ra việc thất lạc trẻ. - Đồ chơi ngoài trời, phù hợp với độ tuổi, CSVC đảm bảo an toàn đảm bảo an toàn về tính mạng. - Phối hợp với các ban nghành đoàn thể để giữ an toàn giao thông trong giờ đưa đón trẻ. - Tạo tâm lý thoải mái, vui vẻ cho trẻ khi đến lớp. Gần gũi, thân mật với trẻ như ở nhà. Không doạ nạt, quát mắng, đánh trẻ.		
5. Chăm sóc trẻ khuyết tật *(nếu có)*	- Để đảm bảo quyền lợi và chế độ chính sách cho trẻ thì nhà trường phải tuyên truyền hướng dẫn cho gia đình làm HS cho trẻ để trẻ được quan tâm, chăm sóc để phát triển những khiếm khuyết của cơ thể trẻ. - Đối với những nhóm lớp có trẻ khuyết tật, giáo viên phải nắm rõ mức độ khuyết tật của trẻ; tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ + Sự phát triển về thể chất + Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp + Khả năng nhận thức + Quan hệ xã hội	- CBQL, giáo viên, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương và cộng đồng.	

	+ Môi trường phát triển của trẻ - Xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp với gia đình, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc GD trẻ hòa nhập.		

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TRẺ 3-4 TUỔI

Mục tiêu	Nội dung
1. Lĩnh vực phát triển thể chất	
a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
MT1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Trẻ trai: + Cân nặng: 12,7 - 21,2 kg + Chiều cao: 94,9cm - 111,7cm - Trẻ gái: + Cân nặng: 12,3 - 21,5 kg + Chiều cao: 94,1cm - 111,3cm.	- Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ - Tập các bài tập thể dục thường xuyên - Cân đo và khám sức khỏe định kỳ - Nhận biết trẻ béo phì và suy dinh dưỡng. Tìm ra nguyên nhân của béo phì và suy dinh dưỡng.
MT2. Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc - Thực hành chế biến một số món ăn đơn giản: Pha nước cam, làm bánh…
MT3. Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, canh, rau…Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…). - Mời cô, mời bạn trước khi ăn, ăn gọn gàng, hết suất. - Uống nước đã đun sôi Hướng dẫn trẻ ăn đa dạng các lợi thức ăn và tập thích nghi với các món ăn. - Cách ăn các loại quả có hạt (Montessori).. - Trò chuyện sáng theo phương pháp Unís
MT4. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn, sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách - Rửa tay, lau mặt, súc miệng - Tháo tất, cởi quần, áo…	- Trẻ chủ động đeo khẩu trang, đội mũ nón.. - Trẻ biết lau mặt, súc miệng - Tập rửa tay bằng xà phòng - Kỹ năng rót nước vào cốc - Kỹ năng cầm bát, thìa, cốc, đũa đúng cách - Tự xúc cơm ăn gọn gàng không làm đổ thức ăn. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh *** GDKNS**:

	- Bé đi tất, đi dày, tháo tất, …. - Tập mặc, cởi quần, áo - Gấp tất gấp quần áo Các hoạt động ứng dụng - Làm thạch từ khuôn (Steam) - Sử dụng chày và cối giã muối vừng; pha nước chanh; bóc vỏ trứng (Montessori). - Kỹ năng rửa tay, lau mặt, chải đầu, đánh răng, lau mủi, hỉ mủi... (Montessori thực hành cuộc sống) - Trẻ biết tự dọn bàn ăn, tự lấy và cất bát thìa đúng cách... (Montessori thực hành cuộc sống) - Cách ngồi ghế và đứng lên, ra khỏi ghế, cách xếp và cất ghế. Bê thảm, trải thảm, lau nước rớt ra bàn (Montessori)
MT5. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi…	- Tập các hành vi văn minh trong ăn, uống, sinh hoạt hàng ngày (Uống nước đã đun sôi, rót vừa lượng nước để uống, tự uống nước khi khát) - Ăn hết khẩu phần, không kén chọn thức ăn, không xúc thức ăn của mình sang bát của bạn, nhặt thức ăn rơi vãi và bỏ vào đĩa… - **KNS:** Một số hành vi văn minh trong ăn uống (ăn miếng vừa đủ, không ăn nhồm nhoàm; Không nói chuyện, nghịch phá khi ăn; Không làm rơi thức ăn vung vãi, nhặt thức ăn rôi bỏ đúng nơi quy định…)
MT6. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Nhận biết trang phục theo thời tiết *** GDKNS**: Trang phục theo thời tiết *** GDKNS**: Mũi sạch, miệng xinh - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm
MT7. Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	- Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở. ***GDKNS**: Tránh xa vật dụng nguy hiểm;
MT8. Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (Ao, hồ, bể chứa nước, giếng, hố vôi…) khi được nhắc nhở.	Tránh các nơi : Sông, ao, hồ, bể nước, giếng , hố vôi,công trình xây dựng, nhà máy… - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi

	người giúp đỡ *** GDKNS**: Tránh xa những nơi nguy hiểm *** GDKNS**: Cẩn thận với nước
MT9. Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... + Không tự lấy thuốc uống. + Không leo trèo bàn ghế, lan can. + Không nghịch các vật sắc nhọn. + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp hoặc khi ở nhà. *** GDKNS**: Tránh xa một số hành động nguy hiểm… - Tránh xa, không đến gần một số động vật nguy hiểm.
b. Giáo dục phát triển vận động	
MT10. Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước lên phía trước; Bước sang ngang; Ngồi xổm, đứng lên; Bật tại chỗ + Co duỗi chân
MT11. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động và biết kiểm soát được vận động: Đi, chạy	- Đi bước dồn ngang - Đi trên vạch kẻ thẳng - Đi kiễng gót liên tục 3m - Đi bằng gót chân - Đi bằng gót chân trong đường dích dắc - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi/chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc - Chạy liên tục trong đường dích dắc 3 - 4 điểm - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng
MT12. Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Lăn, tung, đập, ném, chuyền	- Lăn bóng cho bạn - Lăn bóng vào lưới - Đập - bắt bóng (Tự đập, bắt bóng được 3 lần liền - Đường kính bóng 18 cm). - Tung bắt bóng với cô (Bắt được 3 lần liền không rơi bóng - Khoảng cách 2,5 m) - Tung bóng lên cao bằng 2 tay

	- Đập bắt bóng bằng 2 tay - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay - Ném trúng đích thẳng đứng - Ném trúng đích ngang (Xa 1,5m) - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc - Chuyền bóng qua đầu - Chuyền bóng qua chân - Chơi các trò chơi vận động
MT13. Trẻ thực hiện được các vận động: Bò, trườn, trèo, bật - nhảy.	*** Bò, trườn, trèo**: - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. - Bò dích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài1,5m x 30cm. *** Bật - nhảy:** - Bật tại chỗ - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao10 - 15cm. - Nhảy lò cò 3m.
MT14. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:	- Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài - Ném xa bằng 1 tay chạy về phía trước - Bật qua vạch kẻ ném xa bằng 1 tay
MT15. Trẻ thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau	- Thực hiện, phối hợp cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.
MT16. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Vẽ; Cắt; Xé dán; Xếp chồng khối; Cài, cởi cúc,…	- Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc, đi tất, quàng khăn… - Xếp chồng các khối khác nhau; 8 - 10 khối không đổ - Sử dụng kéo bút; Tô, vẽ nguệch ngoạc. - Xé, dán giấy - Vẽ được hình tròn theo mẫu.

	- Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Cài, cởi cúc; Đan, tết. **Steam:** Thiết kế thiệp tặng mẹ - Làm tranh từ hạt ngô - Làm thiệp tặng cô - Làm ô tô từ nguyên vật liệu, phế thải - Làm đoàn tàu
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức	
a. Khám phá khoa học	
MT17. Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như: Chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng và nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	+ Hiện tượng nắng, mưa, nóng , lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ + Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm + Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây + Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày + Một số hiện tượng tự nhiên - Trò chuyện sáng theo PP Unis: Trò chuyện, chia sẻ giới thiệu hiện tượng TN (trời mưa, bão) + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. *** GDKNS**: Mưa ơi từ đâu đến?; Tiết kiệm nước ** Các hoạt ứng dụng* - Chuyền nước bằng phễu; rót nước từ ly trong sang ly đặc; rót nước từ ấm sang chén nhỏ; đổ nước đến vạch đánh dấu(Montestori) -Ánh sáng và bóng tối…(STEAM),
MT18. Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể + Các giác quan kỳ diệu **+ Steam: Cái miệng xinh** + Đôi mắt xinh + Cơ thể chúng mình + Đôi bàn tay xinh + Đôi chân thật đáng yêu + Tay phải,tay trái(Montestori)

MT19. Trẻ làm được thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	- Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi; Chất tan, không tan - Cầu vồng trong ống nghiệm - Pha màu nước; - Chơi chong chóng gió - Chơi thổi bong bóng xà phòng - Quá trình lớn lên của cây... - Trứng nổi trên nước - Giấy không bị ướt - Đường của tôi đâu
MT20. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh, ảnh, nhận xét và trò chuyện... - Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis
MT21. Trẻ mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo **MT22**. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	**** Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi*** + Đồ dùng cho bé + Đồ chơi bé thích + Đồ dùng gia đình bé... + **GDKNS**: Những vật dụng nguy hiểm *- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc* + Phương tiện giao thông đường bộ - Trò chuyện sáng theo PP Unis: Trò chuyện, chia sẻ giới thiệu về: Phương tiện giao thông đường bộ + Thực hành giao thông đường bộ + Đèn tín hiệu giao thông + Phương tiện và quy định giao thông đường thủy + Phương tiện và quy định giao thông đường hàng không + **GDKNS**: Tập ngồi xe đạp, xe máy; Tập đội mũ bảo hiểm; An toàn khi đi bộ, Ngồi xe máy (ô tô) an toàn. *- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây,*

	hoa, quả quen thuộc. Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. *Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi* + Con vật nuôi trong gia đình: - Trò chuyện sáng theo PP Unis: Trò chuyện, chia sẻ giới thiệu về: Con vật nuôi trong gia đình: Con vật sống trong rừng + Con vật sống dưới nước + Một số con vật biết bay + Bé yêu cây xanh + Những bông hoa đẹp + Những loại quả bé thích + Bé biết nhiều loại rau củ + Cây à bạn có gì? + **GDKNS**: Tập nhổ cỏ; Lau lá cây vàng rơi; Điều đặc biệt từ sâu bướm, Rau thật là ngon
MT23. Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình…	- Chơi đóng vai (Bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh...) - Hát các bài hát về hoa, quả, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, hoa, quả, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản...
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
MT24. Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng Trẻ đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	- Đặt câu hỏi cái gì? Mấy? là mấy? có bao nhiêu?.... - Chơi đếm trên các ngón tay qua trò chơi "ngón tay nhúc nhích" hoặc bài hát "Đếm tay" - Đếm trên các đối tượng theo ý thích - Một và nhiều - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 2 - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 3 - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 4 - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 - Đếm theo khả năng của trẻ - Chơi các trò chơi, bài tập luyện đếm

MT 25. Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Một và nhiều - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - So sánh thêm bớt trong phạm vi 2 - So sánh thêm bớt trong phạm vi 3 - So sánh thêm bớt trong phạm vi 4 - So sánh thêm bớt trong phạm vi 5
MT26. Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5; Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm	+ Gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và đếm + Tạo nhóm đối tượng theo các dấu hiệu khác nhau - Tách một nhóm có số lượng 2 thành hai nhóm. - Tách một nhóm có số lượng 3 thành hai nhóm. - Tách một nhóm có số lượng 4 thành hai nhóm. - Tách một nhóm có số lượng 5 thành hai nhóm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ.
MT27. Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (Mẫu) và sao chép lại	- Ghép đôi - Xếp tương ứng 1-1 - Xếp xen kẽ
MT28. Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau	- So sánh 2 đối tượng về kich thước + So sánh về độ lớn của 2 đối tượng và nói được từ: To hơn, nhỏ hơn. + So sánh về chiều cao của 2 đối tượng và nói được từ: Cao hơn, thấp hơn. + So sánh về chiều dài của 2 đối tượng và nói được từ: Dài hơn, ngắn hơn. + So sánh về chiều rộng của 2 đối tượng và nói được từ: Rộng hơn, hẹp hơn. - Chơi các trò chơi về so sánh kích thước 2 đối tượng
MT29. Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. ***Lắp ghép các hình từ các nguyên vật liệu***	- Nhận biết, gọi tên các hình (Vuông, tam giác, chữ nhật, tròn) và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Nhận biết và gọi tên các hình: hình vuông, hình tròn; - Nhận biết và gọi tên: hình tam giác, hình chữ nhật. - Ôn nhận biết 4 hình - Sử dụng các hình hình học để chắp ghép

	- Lắp ghép các hình từ các nguyên vật liệu
MT30. Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Nhận biết phía trên - phía dưới - phía trước - phía sau của bản thân - Nhận biết tay phải - tay trái của bản thân
c. Khám phá xã hội	
MT31. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. tên bố mẹ và các thành viên trong gia đình	- Trò chuyện sáng theo PP Unis: Trò chuyện, chia sẻ giới thiệu về bản thân: Tên, tuổi, giới tính, sở thích... Nhận biết về bản thân: Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Bé là ai? - Bé giới thiệu về mình - Ngày sinh nhật hồng - Tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. Địa chỉ của gia đình bé - Những người thân trong gia đình bé - Các thành viên trong gia đình: Trò chuyện sáng theo PP Unis: Trò chuyện, chia sẻ giới thiệu về các thành viên trong gia đình - Ngôi nhà của bé - Nhu cầu của gia đình bé - Mừng sinh nhật mẹ...
MT32. Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp; tên và công việc của cô giáo; tên các bạn; đồ dùng, đồ chơi của lớp; các hoạt động của trẻ ở trường Trường mầm non của bé: - Trường bé có gì - Lớp học thân yêu: - Trò chuyện sáng theo PP Unis: Trò chuyện, chia sẻ giới thiệu về lớp học của bé có gì? (đồ chơi, các bạn, đồ dùng xung quanh lớp...) - Ở trường bé làm gì
MT33. Trẻ kể được tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng, Nghề đánh bắt cá... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề truyền thống gần gũi của địa phương và một số nghề phổ biến - Bé biết ơn bác nông dân - Nghề đánh bắt cá - Cháu yêu cô, chú công nhân - Chú bộ đội

	- Bé thích làm giáo viên - Bé làm bác sỹ: * Các hoạt động ứng dụng - Dự án ngôi nhà (Steam) - Bác sĩ nhí, đầu bếp nhí, kĩ sư tài ba…(STEAM) - Trải nghiệm làm đẹp (Montessori) - Trải nghiệm cô bán hàng (Montessori)… * Trò chuyện sáng theo PP Unis: trò chuyện, chia sẻ giới thiệu về nghề bác sỹ
MT34. Trẻ kể tên một số lễ hội qua trò chuyện, tranh ảnh.	* Lễ hội: Tên các ngày lễ hội, của địa phương, đất nước trong năm như - Ngày quốc khánh 2/9 - Ngày khai giảng năm học mới - Bé vui đón tết trung thu - Vui ngày hội cô giáo 20/11 - Mừng ngày tết chú bộ đội 22/12 - Tết và mùa xuân - Ngày tết quê em: Trò chuyện sáng theo PP Unis: Trò chuyện, chia sẻ giới thiệu về: ngày tết quê em - Lễ hội đền cuông - Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10(bổ sung) - Vui ngày hội 8/3 - Mừng sinh nhật Bác 19/5: Trò chuyện, chia sẻ về Bác Hồ kính yêu
MT35. Trẻ kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương	***** Di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh: - Biển Diễn thành, Sông Bùng, Lèn hai vai, chùa cổ am, đền cuông; Khu du lịch sinh thái Mường Thanh, Hồ Xuân Dương - Diễn châu quê hương em - Biển cửa lò; Đảo ngư - Quảng trường Hồ Chí Minh - Quê Bác Hồ…
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
MT36. Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản. Trẻ hiểu được nghĩa một số từ khái quát (Quần áo, đồ chơi, hoa quả...). Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoạiTrẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản. Trẻ lắng nghe và trả lời	Nghe, hiểu lời nói và làm theo yêu cầu đơn giản - Nghe hiểu các từ chỉ người, tên đồ dùng/ thực vật/ động vật, tên gọi đồ vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Nghe hiểu được nghĩa một số từ khái quát:

được câu hỏi của người đối thoại	Quần áo, đồ chơi, hoa quả, con vật... - Lắng nghe người khác nói thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp. - Trao đổi trả lời các câu hỏi với người khác một cách phù hợp. - Cách bê ghế (Montessori); bê khay, đặt khay; bê thảm trải thảm ; gấp và phơi khăn (Montessori) - Nói, trả lời câu hỏi và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp: Giữa cô - trẻ; Trẻ -Trẻ…
MT37: Trẻ nói rõ các tiếng. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép**.** Sử dụng các từ Vâng ,dạ trong giao tiếp	- Phát âm các tiếng của tiếng việt. - Trả lời và đặt câu hỏi: "Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?". - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Nghe, sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm..... - Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép**.** - Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng**.** - Trả lời và đặt câu hỏi. ***- KNS: Dạy bé cách xưng hô, chào hỏi, thưa gửi lễ phép*** + Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... + Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép
MT38. Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	- Kể lại sự việc như: Đi thăm ông bà, đi chơi, đi chợ quê, đi siêu thị, xem phim… - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ
MT39. Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	Nghe, đọc các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp độ tuổi - **Chủ đề Trường mầm non - Bé vui đón Tết Trung thu**: Bạn mới (Nguyệt Mai); Bé vẽ (Hoàng Thanh Hà); Mèo con đi học (Phạm Thị Vàng Anh); Cô giáo của con (Hà Quang); Quà Trung thu (Lê Huy Hòa); Mẹ và cô (Trần Quốc Toàn); Tình bạn (Trần Thị Hương); Làm đồ chơi, Chúng ta đều là bạn (Phạm Mai Chi); Bé không khóc nữa (Vũ Thị Minh Tâm); Trung thu của bé (Nguyễn Thị Hồng Vân); Bàn tay cô giáo (Định Hải); Bạn của bé (Vương

	Trọng)…chồng nụ chồng hoa (Định Hải) *** Chủ đề Bản thân**: Đôi mắt của em (Lê Thị Mỹ Phương); Cái lưỡi (Lê Thị Mỹ Phương); Miệng xinh (Phạm Hổ); Bé ơi (Phong Thu); Má bảo (Hoài Nam); Thỏ bông bị ốm; Cái mũi; Đi nắng…cái võng (Định Hải), chím câu ngoan lắm (Nguyễn Thị Thảo) *** Chủ đề Gia đình - Ngày hội của cô giáo**: Đồng hồ quả lắc (Ngọc Mai sưu tầm); Thăm nhà bà (Như Mạo); Luồn chỉ cho bà (Thái Thăng Long); Lòng mẹ (Cao Thị Minh Khanh); Lời chào (Nguyễn Tiến Bình); Bé ngoan (Lương Bình và Kim Tuyến sưu tầm); Lấy tăm cho bà (Định Hải); Gió từ tay mẹ (Vương Trọng); Chiếc quạt nan (Xuân Cầu); Ngôi nhà (Tô Hà); Khách đến rồi; Cô dạy…Bà của cháu (Nguyễn Văn Thanh), gió từ tay mẹ (Vương Trọng) *** Chủ đề Những nghề bé thích - Ngày 22.12**: Làm nghề như bố (Thu Quỳnh sưu tầm); Các cô thợ (Thy Ngọc); Ước mơ của bé, Em làm thợ xây (Hoàng Dân); Bé xếp nhà (Chu Huy); Chiếc cầu mới (Thái Hoàng Linh); Bác nông dân (Phương Hoa); Đi bừa (Hoàng Dân); Làm bác sỹ (Lê Ngân); Chú giải phóng quân (Cẩm Thơ) … Bé Chăn gà (Chu Huy), Hươu cao cổ (Định Hải) *** Chủ đề Thế giới động vật**: Rong và cá, Cá ngủ ở đâu, Đàn gà con (Phạm Hổ); Ong và bướm (Nhược Thủy); Con trâu (Võ Quảng); Kể cho bé nghe (Trần Đăng Khoa); Gấu qua cầu, Con khỉ (Hoàng Thị Minh Khanh)…Chim sâu (Phong Thu), Gà con tập viết (Phi Tuyết Ba) *** Chủ đề Tết và mùa xuân – Thế giới thực vật:** Cây đào (Nhược Thủy); Tết đang vào nhà (Nguyễn Hồng Kiên); Mùa xuân (Dương Khâu Luông); Hoa đào, hoa mai (Lê Bình); Hồ sen (Nhược Thủy); Quả; Cây dây leo (Xuân Tiến); Quả (GVMN - Phòng GD&ĐT Gia Lai); Dưa chuột (Sưu tầm); Cà rốt và củ cải (Sưu tầm); Bác bầu bác bí (Sưu tầm); Hoa kết trái (Lê Bình); Chùm quả ngọt (Tạ Hữu Nguyên); Trồng đậu trồng cà...Mướp và mùa xuân (Nguyên Văn Thanh), Hạt giẻ (Phong Thu) **- Chủ đề Một số phương tiện giao thông**: Xe

	chữa cháy (Phạm Hổ); Đèn xanh đèn đỏ (Định Hải); Giúp bà (Hoàng Thị Phỏng); Bé và mẹ (Phạm Hổ); Khuyên bạn (Nguyễn Thị Sen); Đèn giao thông (Mỹ Trang); Đàn kiến nó đi (Phạm Hổ); Qua cầu; Ô tô chạy bon bon; Ô tô buýt; Xe đổ rác… - **Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên**: Mưa rơi (Trương Thị Minh Huệ); Gió (Xuân Quỳnh); Nước (Vương Trọng), Cầu vông (Phạm Thanh Quang); Nắng ấm (Phong Thu); Ông mặt trời (Ngô Thị Bích Hiến); Bình minh trong vườn (Đỗ Ngọc Hương); Nắng bốn mùa (Mai Đức); Tiết kiệm nước (Thu Thủy); Bé giữ vệ sinh môi trường (Minh Châu)…sóng đầu bạc (Lê Huy Hoàng) - **Chủ đề Quê hương - Bác Hồ kính yêu**: Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu); Quê em (Trần Đăng Khoa); Bác Hồ của em (Phan Thị Thanh Nhàn); Em vẽ Bác Hồ (Thị Ngọc); Hoa quanh lăng Bác (Nguyễn Bao); Ao làng (Nguyễn Thị Thanh); Ai dậy sớm (Võ Quảng)… quà mùa hè (Phi Tuyết Ba) *** Ca dao, đồng dao**: - Chi chi chành chành. - Nu na nu nống. - Đi cầu đi quán. - Kéo cưa lừa xẻ. - Lúa ngô là cô đậu nành. - Con kiến mà leo cành đa. - Lộn cầu vồng. - Dung dăng dung dẻ. - Đố ai đếm được lá rừng.
MT40. Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp độ tuổi; kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe; đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên *** Chủ đề Trường mầm non - Bé vui đón Tết Trung thu**: Đôi bạn tốt (Lê Thu Hương); Gà tơ đi học (Cẩm Linh); Món quà cô giáo (Tú Anh); Anh chàng méo mướp (Theo báo Hoạ mi); Có một bầy hươu; Bác voi tốt bụng; Mèo hoa đi học…Qủa táo *** Chủ đề Bản thân - Ngày vui của bà, của mẹ**: Cậu bé mũi dài, Mỗi người một việc (Lê Thu Hương, Lê Thị Đức); Gấu con bị đau răng

	(Tạ Thị Liên); Món quà đặc biệt (Thanh Bình); Câu chuyện của tay trái và tay phải Lý Thị Minh Hà); Bé Minh Quân dũng cảm (Minh Hương)…Bằng nhau thôi *** Chủ đề Gia đình - Ngày hội của cô giáo**: Bông hoa cúc trắng (Phỏng theo truyện cổ Nhật Bản); Cháu ngoan (Hoàng Thị Cúc); Mẹ (Lưu Thị Bạch Liễu); Cháu ngoan của bà (Mai Thu Huệ); Quà tặng mẹ (Thu Hằng); Tích Chu (Phỏng theo truyện cổ tích chim cu); Ba cô tiên (Nhược Thủy); Nhổ củ cải (Phỏng theo truyện dân gian Nga); Những góc nhà hạnh phúc (Kim Hải); Cô bé quàng khăn đỏ (Thu Thủy kể phỏng theo truyện của Pháp); Chiếc ấm sành nở hoa… Một bó hoa tươi thắm *** Chủ đề Những nghề bé thích - Ngày 22.12**: Gà trống choai và hạt đậu (Sưu tầm); Cây rau của thỏ út, Lợn và cừu (Phong Thu); Cô Bác sỹ tý hon (Thu Hằng); Người bán mũ rong (Phạm Thị Sửu, Đặng Thu Quỳnh kể phỏng theo truyện nước ngoài); Ba anh em (Phỏng theo truyện cổ Gơrim)… Thần Sắt *** Chủ đề Thế giới động vật**: Bác gấu đen và 2 chú thỏ (Dương Đình Hy); Chú vịt xám (Thu Thủy); Ba con gấu (Minh Trang); Chú thỏ tinh khôn (Vũ Tú Nam); Ba chú lợn nhỏ (Phạm Thị Sửu, Đặng Thu Quỳnh); Gà trống và vịt bầu (Dương Thị Lam); Chú gà trống kiêu căng; Giọng hót chim Sơn Ca; Rùa con tìm nhà; Gọi mẹ; Ba người bạn; Chim thợ may; Sên và thỏ…Chim Non và gà con - **Chủ đề Tết và mùa xuân - Thế giới thực vật** - Sự tích ngày Tết; Sự tích bánh chưng, bánh giầy; Sự tích cây nêu; Hoa mào gà (Thùy Dương sưu tầm); Chú đỗ con (Viết Linh); Cỏ và lúa (Nguyễn Văn Chương); Sự tích các loại hoa (Hạ Huyền); Gói hạt kì diệu (Nguyễn Thị Mai); Hoa bìm bìm (Kim Tuyến kể); Con cáo và chùm nho (Phỏng theo truyện dân gian Nga); Ngôi nhà hoa quả (Sưu tầm)…Bé hành đi khám bệnh - **Chủ đề Một số phương tiện giao thông**: Kiến con đi ô tô (Phạm Mai Chi sưu tầm); Xe đạp con trên đường phố (Thu Hạnh); Xe lu và

	xe ca (Phong Thu); Ai quan trọng hơn (Sưu tầm); Chiếc đầu máy xe lửa tốt bụng; Tâm sự của vỏ hộp; Kiến thi an toàn giao thông…Thỏ con sang đường - **Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên**: Gió và mặt trời (Sưu tầm); Giọt nước tí xíu (Nguyễn Linh); Nàng tiên mưa (Võ Thị Thương); Chú bé giọt nước (Hoài Khánh); Cô con út của ông mặt trời (Thu Hằng); Cóc kiên trời (Thần thoại Việt Nam); Sự tích ngày và đêm (Thu Thủy); Biển, sông và suối; Lửa, nước mưa và con hổ kiêu ngạo… - **Chủ đề Quê hương – Đất nước - Bác Hồ**: Chuyện Ông Gióng; Khen các cháu; Ai ngoan sẽ được thưởng; Niềm vui bất ngờ; Truyền thuyết "Vua Hùng trồng kê tra lúa"; Truyền thuyết "Vua hùng dạy dân cấy lúa"… sự tích bánh chưng bánh giầy.
MT41. Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện.- Giữ gìn sách. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem tranh và nói được tên nhận vật trong tranh.
MT42. Trẻ thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc	- Vẽ, "viết" nguệch ngoạc… + Hướng viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
MT43. Trẻ nói được điều bé thích, không thích	- Nói, thể hiện những điều mình thích, không thích.
MT44. Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	+ Trò chơi, hoạt động học, thực hiện bài tập, hoạt động lao động, vui chơi dã ngoại, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân… + Thực hiện công việc được người lớn giao như trực nhật: Xếp cất gối, xếp cất ghế, xếp khăn, chia giấy vẽ, cất dọn đồ dùng, đồ chơi..

MT45. Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao.	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao: Xếp cất gối, xếp cất ghế, xếp khăn, xếp đồ chơi, chia giấy vẽ… **KNS: Trẻ tự mặc quần áo**
MT46. Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	- Chơi hòa thuận với bạn - Chờ đến lượt - Lao động tự phục vụ và công việc được giao:
MT47. Trẻ nhận ra cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh...Trẻ biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. - Yêu mến ông, bà, bố, mẹ, anh chị em ruột, người thân. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của địa phương, quê hương
MT48. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ,thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	- Kính yêu Bác Hồ được thể hiện qua hành động, qua các hoạt động hàng ngày - Thích xem tranh ảnh và nhận ra hình ảnh Bác Hồ qua tranh ảnh, video... - Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. - Yêu mến ông, bà, bố, mẹ, anh chị em ruột, người thân. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của địa phương, quê hương
MT49. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh dành đồ chơi, vâng lời bố mẹ	- Một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi; không tranh giành đồ chơi; để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; vâng lời bố mẹ, cô giáo... - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). Chú ý lắng nghe khi cô, bạn nói. ***KNS***: - Lễ phép với người lớn - Cảm ơn khi nhận quà
MT50. Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở; Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	

MT51. Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối - Tiết kiệm điện nước - Giữ gìn vệ sinh môi trường - Phân loại rác theo hướng dẫn của người lớn, bỏ rác đúng nơi quy định *** GDKNS**: Nhặt, phân loại rác; Bỏ rác đúng nơi quy định; Chiếc hộp bỏ đi
MT52. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). Chú ý lắng nghe khi cô, bạn nói. ***KNS***: - Lễ phép với người lớn - Cảm ơn khi nhận quà
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
MT 53. Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. Cảm nhận được âm thanh từ các chất liệu, nhạc cụ khác nhau	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Các hoạt động trong chương trình "cảm thụ âm nhạc": Nghe âm thanh từ nhạc cụ; cách tạo ra âm thanh từ nhạc cụ; nghe nhạc cổ điển, thính phòng, dân ca…
MT54: Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện. Thích nghe hát và hưởng ứng các làn điệu dân ca ví dặm Nghệ Tĩnh	Nghe các bài hát, bản nhạc (Nhạc thiếu nhi, dân ca) - Bộc lộ cảm xúc khi nghe các bài hát, bản nhạc - Vận động theo ý thích khi nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc *** Chủ đề Trường mầm non - Bé vui đón Tết Trung thu**: Ngày đầu tiên đi học (Nhạc Nguyễn Ngọc Thiện, lời Viễn Phương); Ánh trăng hòa bình (Nhạc Hồ Bắc, lời Mộng Lân); Bài ca đi học (Phan Trần Bảng); Lớp chúng mình (Phạm Tuyên); Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên); Em yêu trường em (Hoàng Vân); Đi học (Bùi Đình Thảo); Chào hỏi (Trần Hoàng Tiến); Niềm vui cô nuôi dạy trẻ… *** Chủ đề Bản thân - Ngày vui của bà, của mẹ**: Thật đáng chê (Việt Anh); Năm ngón tay ngoan (Trần Văn Thụ); Hãy lắng nghe (Lê Đức – Thu Huyền); Mừng sinh nhật (Đào Ngọc Dung); Em là bông hồng nhỏ (Trịnh Công Sơn); Nắm tay thân thiết (Nhạc Hàn quốc); Chỉ có một trên đời (Trương Quang Lục); Cho con

	(Nhạc Phạm Trọng Cầu - thơ Tuấn Dũng); Mẹ yêu, Mừng tuổi mẹ... *** Chủ đề Gia đình - Ngày hội của cô giáo**: Khúc hát ru người mẹ trẻ (Nhạc Phạm Tuyên, thơ Lâm Thị Mỹ Dạ); Ba ngọn nến lung linh (Ngọc Lễ); Cô giáo (Nhạc Đỗ Mạnh Thường, thơ Nguyễn Hữu Tường); Ru con (Dân ca Nam bộ); Tổ ấm gia đình (Hoàng Vân); Lời ru trên nương (Trần Hoàn); Cái cò đi đón cơn mưa (Phạm Tuyên)... *** Chủ đề Những nghề bé thích - Ngày 22.12**: Hạt gạo làng ta (Nhạc Xuân Giao, thơ Trần Đăng Khoa); Xe chỉ luồn kim (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Đi cấy (Dân ca Thanh Hóa); Chú bộ đội và cơn mưa; Ba em là công nhân lái xe; Cô giáo; Cháu thương chú bộ đội; Cháu yêu cô chú công nhân; Lớn lên cháu lái máy cày... *** Chủ đề Thế giới động vật**: Chú ếch con (Phan Nhân); Gà gáy le te (Dân ca Cống khao); Chú voi con ở Bản Đôn (Phạm Tuyên); Con cò (Xuân Giao); Tôm cá cua thi tài (Hoàng Thị Dinh); Cò lả (Dân ca Băc bộ); Lý con sáo Gò Công... *** Chủ đề Tết và mùa xuân - Thế giới thực vật - Ngày 08.3**: Lá xanh (Thái Cơ); Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiện); Hoa trong vườn (Dân ca Thanh Hóa); Cây trúc xinh (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Lý cây bông (Dân ca Nam bộ); Hoa thơm bướm lượn (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Ngày Tết quê em (Từ Huy); Em thêm một tuổi (Trương Quang Lục); Mùa xuân nho nhỏ (Trần Hoàn); Chúc xuân; Trồng cây... *** Chủ đề Một số phương tiện giao thông**: Nhớ lời cô dặn (Hồng Ngọc); Anh phi công ơi (Nhạc Xuân Giao, thơ Xuân Quỳnh); Tàu hỏa (Bùi Anh Tôn); Đi trên vỉa hè bên phải (Nguyễn Thị Thanh); Con thuyền ước mơ... *** Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên**: Mưa rơi (Dân ca Xá); Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích); Mưa bóng mây; Bé và trăng; Bốn mùa; Tôi là gió; Tia nắng hạt mưa; Mùa hè chia tay... *** Chủ đề Quê hương - Bác Hồ kính yêu**: Từ rừng xanh cháu về thăm lăng Bác (Hoàng Long, Hoàng Lân); Tiếng chim trong vườn Bác

	(Hàn Ngọc Bích); Nhớ giọng hát Bác Hồ (Nhạc Thanh Phúc, lời Tạ Hữu Yên); Bác Hồ người cho em tất cả (Hoàng Long, Hoàng Lân); Về quê mình Diễn Châu (Hồ Hữu Thới); Em đi giữa biển vàng (Bùi Đình Thảo); Trái đất này là của chúng mình (Trương Quang Lục); Quê hương là chùm khế ngọt; Đêm pháo hoa; Inh lả ơi; Em là chim câu trắng; Em mơ gặp Bác Hồ; Xòe hoa... - Thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện - Nghe hát và nghe giai điệu các làn điệu dân ca, dân
MT55. Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp - Vận động theo ý thích khi hát các bài hát quen thuộc *** Chủ đề Trường mầm non - Bé vui đón Tết Trung thu**: Vui đến trường (Hồ Bắc); Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên); Cháu đi mẫu giáo (Phạm Minh Tuân); Rước đèn dưới trăng (Phạm Tuyên); Đêm Trung thu (Phùng Như Thạch); Trường cháu đây là trường mầm non (Phạm Tuyên); Ngày vui của bé (Hoàng văn Yến); Ai ra ngoài (Phan Huỳnh Điểu); Đi dạo (Trần Hữu Du); Quả bóng (Huy Trân); Đi học về... *** Chủ đề Bản thân - Ngày vui của bà, của mẹ**: Chơi ngón tay (Nhạc Hàn Quốc); Tay thơm tay ngoan (Bùi Đình Thảo); Em ngoan hơn búp bê (Phùng Như Thạch); Hãy xoay nào (Nhạc Hàn Quốc); Nào! Chúng ta cùng tập thể dục (Thu Hiền); Mời bạn ăn (Trần Ngọc); Xòe bàn tay, nắm ngón tay (Minh Quân); Khám tay (Đào Việt Hưng); Đường và chân (Hoàng Long); Tập rửa mặt (Hồng Đăng); Tóm được rồi (Nhạc Anh, lời Việt: Lê Đức, Thu Hiền); Chúc mừng sinh nhật;... *** Chủ đề Gia đình - Ngày hội của cô giáo**: Cả nhà thương nhau (Phan Văn Minh); Hoa bé ngoan (Hoàng Văn Yến); Cô và mẹ (Phạm Tuyên); Múa cho mẹ xem (Xuân Giao); Biết

	vâng lời mẹ (Minh Khang)... *** Chủ đề Những nghề bé thích - Ngày 22.12**: Đội kèn tý hon (Phan Huỳnh Điểu); Làm chú bộ đội (Hoàng Long); Ba em là công nhân lái xe (Lê Văn Lộc); Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền); Đi một hai (Đoàn Phi); Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến)... ***Chủ đề Thế giới động vật**: Con chim non, Chú gà trống gọi, Ai cũng yêu chú mèo (Kim Hữu); Đàn gà con (Nhạc nước ngoài); Voi làm xiếc (Phan Hiền); Đàn vịt con (Mộng Lân); Gà trống, mèo con và cún con (Thế Vinh); Con chuồn chuồn (Vũ Đình Lê); Con gà trống (Hà Hải); Cá vàng bơi (Tân Huyền)... *** Chủ đề Tết và mùa xuân - Thế giới thực vật - Ngày 08.3**: Em yêu cây xanh, Mùa xuân (Hoàng Văn Yến); Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân); Cây bắp cải (Nhạc Thu Hồng, lời Phạm Hổ); Màu hoa (Hồng Đăng); Quả (Xanh Xanh); Bầu bí (Phạm Tuyên); Quà mồng 08/3 (Hoàng Long); Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu)... *** Chủ đề Một số phương tiện giao thông**: Đường em đi (Nhạc Ngô Quốc Tính, lời Tường Vân); Đèn xanh đèn đỏ (Nhạc Ngô Quốc Tính, lời Thế Hội); Đoàn tàu nhỏ xíu (Mộng Lân); Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến); Em tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý); Em đi chơi thuyền (Trần Viết Tường); Lái ô tô (Đoàn Phi)... *** Chủ đề Nước và một số hiện tượng tự nhiên**: Trên cát (Nhạc Anh, lời Việt: Phan Hương); Trời nắng trời mưa (Đặng Nhất Mai); Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung); Mây và gió (Minh Quân); Sau mưa (Lương Ngọc Hoàn); Phao bơi;... *** Chủ đề Quê hương - Bác Hồ kính yêu**: Bé em tập nói (Hoàng Long); Quê hương tươi đẹp (Dân ca Nùng, đặt lời Anh Hoàn); Hòa bình cho bé (Huy Trân); Đi thăm Thủ đô (Bùi Anh Tôn); Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao)...
MT56. Trẻ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh hoạ)	

MT57. Trẻ vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản	Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản *** Chủ đề: trường mầm non** - Tô màu đèn lồng, bóng bay, đu quay. *** Chủ đề: Bản thân** - Tô màu những chiếc mũ đẹp, Trang trí khăn mùi xoa (Mới chuyển từ cđ gia đình lên) *** Chủ đề: gia đình** -Tô màu trang phục của mẹ. Tô màu ngôi nhà của bé. *** Chủ đề: Nghành nghề** - Tô màu sản phẩm một số nghề, vẽ tô màu bình hoa, vẽ cuộn len màu. *** Chủ đề: Thế giới thực vật; tết và mùa xuân:** Vẽ tô màu cây ăn quả, vẽ tô màu quả cà chua, quả bí xanh. Vẽ những bông hoa bằng vân tay. *** Chủ đề: Động vật** - Vẽ, tô màu con gà con, tô màu con hươu cao cổ, cắt dán con cá. *** Chủ đề: PT và QĐGT** - Vẽ tô màu ô tô, tô màu xe máy, tô màu khinh khí cầu... *** Chủ đề: nước và HTTN** - Vẽ mưa, cỏ, cây. Xé, dán tia nắng mặt trời. Trang trí chiếc phao *** Chủ đề: Quê hương - Đất nước - Bác Hồ** - Tô màu dây cờ - Xé, dán đuôi diều
MT58. Trẻ xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	* Sử dụng một số kỹ năng xé, dán để tạo ra sản phẩm đơn giản - Dán bập bênh - Dán cái thang - Dán cái cốc - Xé giấy thành dải - Xé dán bánh chưng - Xé dán quả chuối - Xé dán tán lá cây - Xé dán con sứa - Cắt dán con cá - Dán đèn giao thông - Xé dán chiếc ô che mưa - Xé dán tia nắng mặt trời

	- Xé dán đuôi diều... - Trang trí khay đựng màu.
MT59. Trẻ lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối	*** Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản** - Nặn bánh hình tròn - Nặn bánh hình dài - Nặn vòng - Nặn con vật - Nặn xà phòng - Nặn quả tròn - Nặn củ cà rốt - Nặn bánh xe - Nặn cái phao bơi - Nặn theo ý thích...
MT60. Trẻ sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý	*** Sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm** - Làm tranh, đồ dùng, đồ chơi sáng tạo bằng nguyên vật liệu, tranh tập thể, tranh chủ đề. - Sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên (Lá khô, sỏi, quả khô...), phế liệu (Len, ống hút...) tạo ra sản phẩm theo gợi ý của cô: + Làm đèn lồng + cơ thể chúng mình + Làm hoa xinh tặng cô + Ngôi nhà xanh + Trang trí khăn mùi soa + Làm điện thoại bằng cốc giấy + Làm cái nơ + Làm quà tặng cô, bà, mẹ + ghép hình ô tô + Hoa mùa xuân + Trang trí góc nhỏ đón tết + Làm quà tặng chú bộ đội + Làm cầu bắc qua sông + Trang trí thiệp tặng cô + Trang trí mũ chú bộ đội + Trang trí con sao biển + Trang trí chiếc phao + Làm cái thuyền, làm cánh buồm... + Trang trí khung ảnh Bác * Các hoạt động ứng dụng + Làm con trâu bằng lá mít; con chuồn chuồn bằng thìa sữa chua; con cá bằng lá; con rùa

	bằng đá... (Steam) + Làm hoa từ giấy, báo, nguyên vật liệu thiên nhiên…(Steam) + Làm con rối bằng rơm, giấy, thìa nhựa…(Steam) + Làm ô tô, tàu hỏa, thuyền từ giấy, hộp, lọ…(Steam)
MT61. Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản: Xếp nhà, xếp bàn ghế, cầu, đường đi, phương tiện giao thông, hình người...
MT62. Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Trẻ biết nhận xét, đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - Nhận xét sản phẩm tạo hình - Đặt tên cho sản phẩm của mình
MT63. Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (Về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình	- Nói lên cảm nhận và bộc lộ cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình
Tin học	
MT 64. Tin học: Trẻ biết tắt, mở máy, rê chuột để bấm chơi các trò chơi trên máy tính	***Thiết bị máy tính (chuột, phím, nguồn...); chơi các trò chơi, thực hiện các bài tập trong máy tính***
Giáo dục tăng cường	
MTMT 65. Tiếng Anh: Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật hiện tượng và hành động rất đơn giản quen thuộc với lứa tuổi; Nghe và nắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 3, một số từ, cụm từ rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi	**Từ vựng:** - Khoảng 50 từ, cụm từ; - Số từ 1 đến 5. **Mẫu câu:** - Câu chào hỏi, tạm biệt, hỏi tên; - Câu hỏi, câu kể, câu cảm thán, câu cầu khiến rất đơn giản, quen thuộc, phù hợp với lứa tuổi.
MT66. Aerobic: -	- Diễu hành, nhún chân, lắc hông- Chạy bộ,

- Làm quen các động tác thể dục đơn giản: Tay, vai, vặn mình, lưng bụng toàn thân, điều hoà, các động tác phát triển tố chất trên toàn cơ thể. - Trẻ tập luyện các bài tập dẻo cơ bản Xoạc chân ngang, đá chân trước sau, dẻo vai, dẻo hông, dẻo lườn, dẻo lưng.	nhún chân, dạng chân ngang: Nhún khép, nhún bước chân, dẻo lườn, thăng bằng ngang - Nâng gối, lắc hông đánh tay chéo, ke chân, dẻo vai: - Tách ghép chân Jack, tách khép ngang khép chân, dẻo lưng, di chuyển vỗ tay: - Nhảy chân chéo trước sau lunge, đá chân, kiểng chân khuỵ gối: - Đá chân cao thăng bằng đứng, nhảy bằng 2 mũi chân: - Động tác điều hoà, sóng thân, bước ngang: - Kết hợp nhún chân bước ngang, diễu hành kết hợp tay. (Các bài hát trong chương trình)